

CẤP, TỔNG ĐẠT, THÔNG BÁO VĂN BẢN TỔ TỤNG THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ 2004: THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN

*Dương Quốc Thành**

Bộ luật Tố tụng Dân sự (sau đây gọi tắt là Bộ luật) có hiệu lực pháp luật từ ngày 1/1/2005, với xu thế minh bạch hóa quá trình tố tụng và đảm bảo sự tham gia ngày càng tích cực của các đương sự đã có nhiều quy định liên quan đến văn bản tố tụng cũng như cách thức cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, do có một số điểm mới so với tố tụng cũ và một số khó khăn khi thực hiện nên đây là một vấn đề cần được quan tâm cũng như cần tìm ra giải pháp để khắc phục những điểm còn bất cập. Bài viết đề cập việc tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng do vai trò quan trọng của phương thức tổng đạt này với những đề xuất nhằm thực hiện tốt hơn công việc của Tòa án.

1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÁC VĂN BẢN TỔ TỤNG

Theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, các loại văn bản tố tụng phải được cấp, tổng đạt hoặc thông báo (sau đây gọi chung là tổng đạt) bao gồm:

1. Bản án, quyết định của Tòa án (bao gồm các quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án hoặc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự).
2. Đơn khởi kiện, đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị; giấy báo, giấy triệu tập, giấy mời;
3. Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí; án phí, lệ phí và các chi phí khác;
4. Các văn bản tố tụng khác pháp luật có quy định.

Có thể thấy từ khoản 1 đến khoản 3 đã liệt kê cụ thể về các văn bản tố tụng cần tổng

đạt. Khoản 4 nêu không cụ thể bao gồm những văn bản nào nên các tòa án và thẩm phán khi tiến hành tố tụng cần phải nhận biết rõ để có thể thực hiện đúng. Các văn bản tố tụng từ khi vụ án chuẩn bị được thụ lý cho đến trước khi có bản án của Tòa án đi cùng với các bước và các thủ tục tố tụng có thể khác nhau trong từng vụ án cụ thể.

Trong giai đoạn thụ lý và chuẩn bị xét xử:

- Thông báo sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện (Điều 169);

- Thông báo việc cho nguyên đơn, người khởi kiện nộp tạm ứng án phí (Điều 171);

- Thông báo thụ lý vụ án và quyền phản tố (Điều 174);

- Thông báo về phiên hòa giải (Điều 183);

- Các quyết định có liên quan đến việc thu thập chứng cứ như: lấy lời khai, định giá tài sản tranh chấp, xem xét thẩm định tại chỗ, giám định chứng cứ bị tố cáo là giả mạo (Điều 85, 89, 90) hay ủy thác thu thập chứng cứ, yêu cầu cá nhân, cơ quan tổ chức cung cấp chứng cứ (Điều 93, 94);

- Các quyết định liên quan đến việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại Chương XIII;

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm (Điều 195);

- Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa (Điều 208);

- Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án (Điều 240);

- Thông báo liên quan đến kháng cáo, kháng nghị (các Điều 248, 249, 253);

- Thông báo thụ lý vụ án phúc thẩm (thường được gửi cho Viện kiểm sát cùng

* Thạc sỹ Luật học, Luật sư Văn phòng Luật sư VILAF

cấp sau khi thụ lý vụ án).

Như vậy, theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2005, các bước tố tụng của Tòa án đều được tiến hành trên nguyên tắc đảm bảo sự minh bạch. Trong đó, các đương sự, dù là cá nhân hay tổ chức có liên quan đều được biết, được thông báo trước về các hoạt động của tòa án liên quan đến vụ án mà họ là đương sự.

2. TỔNG ĐẠT TRỰC TIẾP CHO ĐƯƠNG SỰ – BẮT CẬP VÀ GIẢI PHÁP

2.1. Giao trực tiếp cho đương sự

Điều 146 Bộ luật xác định nghĩa vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng, trong đó có Tòa án phải tiến hành việc cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và các đối tượng có liên quan. Đây là điểm rất quan trọng, xác định nghĩa vụ của Thẩm phán, Thư ký tòa án trong quá trình tố tụng. Theo đó, chính Thẩm phán, Thư ký phải là những người chủ động và có vai trò quan trọng để đảm bảo thực hiện việc tổng đạt chứ không phải chỉ đến khi các đương sự yêu cầu thì họ mới được đáp ứng. Thêm nữa, việc tổng đạt trực tiếp được đặt ở vị trí ưu tiên và quan trọng. Chỉ khi nào việc tổng đạt trực tiếp không tiến hành được thì các phương thức khác mới được sử dụng.

Vậy khi tòa án tổng đạt trực tiếp cho các đương sự, việc tổng đạt như thế nào để được coi là hợp pháp và phù hợp với quy định hiện thời. Giao trực tiếp văn bản tố tụng cho họ và để họ ký vào cuống giấy báo, để họ ký vào phần cuối của văn bản tố tụng hay lập biên bản tổng đạt là những cách thức thường được làm cho đến nay. Trong những cách thức kể trên, có thể thấy nếu cho ký vào cuống các giấy báo, giấy triệu tập đã được thực hiện trong một thời gian dài khi Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự có hiệu lực (từ 1989 cho đến trước ngày 1/1/2005) cùng với mẫu Giấy báo hay Giấy triệu tập đương sự có phần cuống phía dưới để đương sự hay người nhận ký. Hình thức này có ưu điểm là tiện sử dụng, gọn và tiết kiệm cả về giấy viết cũng như thời gian viết vì có các phần mẫu

sẵn, người tổng đạt chỉ cần điền vào các phần để trống có liên quan đến tên người tổng đạt, người được tổng đạt, địa điểm thời gian tổng đạt và văn bản được tổng đạt. Song do phần cuống này nhỏ nên không thể ghi các thông tin khác có liên quan và bảo quản khó hơn vì dễ bị thất lạc hay lẫn vào các giấy tờ, tài liệu khác nếu không thực sự ý thức về việc này.

Cách thứ hai là cho các đương sự hay người được tổng đạt ký vào phần cuối của văn bản tố tụng cần tổng đạt. Cách thức này cũng khá phổ biến và được làm dựa trên thói quen, truyền từ thế hệ thẩm phán đi trước đến các thế hệ sau này. Cách này được áp dụng với các văn bản tố tụng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định liên quan đến định giá, giám định, xem xét thẩm định tại chỗ, quyết định hoãn phiên tòa và một số văn bản khác. Khi tiến hành theo cách này, Thư ký hoặc Thẩm phán chỉ đơn giản đưa cho đương sự văn bản tố tụng và đề nghị họ ký tên vào cùng một văn bản để lưu hồ sơ, không cần ghi thời gian hay địa điểm tổng đạt hay bất kỳ nội dung nào khác. Có thể đây là hình thức tổng đạt trực tiếp tiết kiệm thời gian và công sức nhất cho Tòa án bởi Tòa án chỉ phải ra văn bản tố tụng và đề nghị các đương sự ký là xong, không phải lập thêm biên bản tổng đạt. Tuy nhiên, ở một cách nhìn khác, có thể coi đây là một việc thiếu chuyên nghiệp và không nên tiếp tục bởi nhìn vào sẽ thấy không phản ánh được các nội dung cần thiết khi tổng đạt văn bản tố tụng cũng như đảm bảo việc thể hiện là các đương sự đã được nhận văn bản tố tụng hay chưa.

Cách thức thứ ba, được coi là đúng đắn và chuyên nghiệp hơn, là Tòa án phải lập biên bản về việc tổng đạt văn bản tố tụng. Biên bản này phải ghi rõ thời gian, địa điểm, người tổng đạt, người nhận tổng đạt, tên văn bản tố tụng được tổng đạt và sau đó là phần để các bên ký xác nhận. Với hình thức này, các nội dung cần thiết của việc tổng đạt một văn bản tố tụng luôn được đảm bảo. Mặt khác, có thể tốt hơn khi sử dụng hình thức

này cho lần tổng đạt thứ hai đối với một số văn bản tố tụng như Giấy triệu tập đương sự, Thông báo phiên hoà giải hay Quyết định hoãn phiên toà. Bởi lẽ, Thẩm phán hay Thư ký khi tổng đạt lần thứ hai có thể còn ghi được ý kiến của người được tổng đạt về lý do mà họ không đến toà án lần trước hay các nội dung liên quan đến việc nhận văn bản tố tụng lần trước để có thể có thêm chứng cứ hay niềm tin nội tâm khi quyết định việc tiến hành tố tụng vắng mặt đương sự theo quy định, đặc biệt là xét xử vắng mặt đương sự. Lựa chọn cách thức này chẳng những đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 151 của Bộ luật Tố tụng Dân sự mà còn dễ dàng hơn khi bảo quản hồ sơ, sử dụng hồ sơ và có thêm tiện ích như đã nêu trên.

Theo quy định tại Điều 152 của Bộ luật thì đối với người được tổng đạt là cá nhân, văn bản tố tụng phải giao trực tiếp cho họ (Khoản 1). Song nếu họ từ chối không nhận thì người tổng đạt phải lập biên bản về việc từ chối này có xác nhận của tổ trưởng dân phố, UBND xã phường hay Công an. Nói cách khác, trường hợp đương sự đã được giao trực tiếp văn bản tố tụng song không ký tên vào Biên bản (theo Khoản 6 Điều 152) thì đã được coi là được tổng đạt trực tiếp hay vẫn cần phải tiến hành thủ tục niêm yết công khai theo quy định của Khoản 1 Điều 154?

Điều này rất quan trọng bởi nếu đương sự đã được trực tiếp giao văn bản tố tụng, như Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên toà chẳng hạn, mặc dù không ký nhận nhưng sẽ được coi là *đã được tổng đạt hợp lệ* để làm cơ sở cho việc xét xử vắng mặt họ khi đảm bảo hoàn tất được lần tổng đạt tiếp theo. Tuy nhiên, dưới sức ép của việc có thể bị án huỷ khi có vi phạm về tố tụng, nhiều thẩm phán sẽ chọn phương án không coi đây là *tổng đạt hợp lệ* mà chỉ coi là *không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp*, điều kiện để làm thủ tục niêm yết công khai mà thôi. Cũng cần nói thêm rằng, việc xét xử vắng mặt đương sự đối với tòa án thực sự là một điều không mấy thú vị nếu không muốn

nói là bắt buộc và thường gắn với việc tổng đạt, hoãn phiên toà nhiều lần, nhất là đối với các vụ án nhiều đương sự và phức tạp về tranh chấp¹.

Cũng có thể cần tiến hành thêm một số bước trong trường hợp này, đó là khi gặp trực tiếp đương sự, Thẩm phán hay Thư ký toà án, cùng với sự chứng kiến của thành phần nói đến trong Khoản 6 Điều 152 nội dung của Văn bản tố tụng (ví dụ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên toà) mà người được tổng đạt đã nghe rõ nhưng không nhận, thì nên coi đây là trường hợp đã tổng đạt hợp lệ mà không thể coi là *không thể thực hiện việc tổng đạt trực tiếp*. Hay để đảm bảo chắc chắn, có thể vẫn nên để lại văn bản tố tụng tại nhà đương sự nếu việc tổng đạt làm tại đây. Nhưng quan trọng nhất, vẫn là quan điểm của cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm hay nói khác đi là quan điểm của Toà án nhân dân tối cao về vấn đề này. Nếu coi trường hợp này là tổng đạt hợp lệ trực tiếp, sẽ giảm được thời gian và công sức của toà án rất nhiều, đặc biệt là khi các đương sự có các hành vi chống đối gay gắt và cố tình gây khó khăn cho quá trình tố tụng.

Do đó, điều đầu tiên cần lưu ý là khi tổng đạt cho đương sự ngoài trụ sở toà án, cần chú ý mời các thành phần như kể trên đi cùng để có thể tiến hành lập biên bản khi cần thiết, tránh phải đi lại nhiều lần. Điều này đặc biệt quan trọng cho những toà án ở các vùng sâu, vùng xa, địa bàn rộng trong khi phương tiện đi lại khó khăn.

Tuy nhiên, từ điểm này, cũng có thể nhận thấy rằng, bản thân người tổng đạt, có thể là Thẩm phán, Thư ký toà án hay cả Thẩm phán cùng Thư ký không thể tự mình lập biên bản về việc đương sự không nhận văn bản tố tụng được nếu không có sự có mặt của các thành phần như nêu trên. Đây có thể là điểm bất cập vì không phải lúc nào tổ

¹ Xem Dương Quốc Thành, *Về một số quy định chưa có cách hiểu thống nhất trong Bộ luật Tố tụng Dân sự 2004*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 3 (215)/2006, trang 43-47.

trường dân phố hay cán bộ UBND, công an cũng có thể tham gia cùng toà án hay có mặt kịp thời. Việc quy định như vậy ở một góc độ nào đó làm giảm quyền lực của Toà án và tạo điều kiện cho sự chống đối, không hợp tác của đương sự trong một số trường hợp. Bởi chẳng lẽ một Thẩm phán cùng với Thư ký toà án ký tên vào Biên bản tổng đạt lại không thể có giá trị, không đáng tin cậy nếu không có chữ ký của các thành viên khác tại địa phương.

Tương tự, trường hợp tổng đạt trực tiếp cho đương sự ngay tại trụ sở Toà án (phòng làm việc của Thẩm phán), khi các đương sự cố tình không ký nhận văn bản tố tụng thì việc Thẩm phán đó lập biên bản về việc này cùng với sự ký xác nhận của các Thẩm phán khác trong phòng trong phần lớn các trường hợp vẫn không được coi là khách quan và do đó, không thể lấy làm cơ sở cho việc đương sự từ chối nhận văn bản tố tụng.

Bên cạnh đó, việc yêu cầu phải xác nhận của UBND xã, Công an xã phường vào Biên bản tổng đạt cũng gây không ít sự tốn phí về thời gian và công sức. Bởi vì, thường thì sau khi lập biên bản tổng đạt cho đương sự, nhất là khi xác định việc đương sự không nhận giấy báo hay văn bản tố tụng, Biên bản này lại phải có xác nhận và đóng dấu của UBND cấp xã hay Công an phường, tùy theo thành viên nào có mặt trong khi lập biên bản. Có thể đó sẽ là xác nhận của UBND cấp xã về việc ông Nguyễn Văn A là tổ trưởng dân phố X hay xác nhận đồng chí Nguyễn Văn B là công an khu vực Y, cùng với một chữ ký và con dấu của UBND phường, xã hay Công an sở tại. Nếu địa bàn tương đối tập trung và đường xá đi lại thuận lợi thì việc tiến hành như trên có thể sẽ dễ dàng hơn rất nhiều so với những vùng có địa giới rộng hơn và đường xá đi lại khó khăn.

Như vậy, có thể nhận thấy Toà án đã không được coi là khách quan khi tự mình thực hiện việc tổng đạt. Những người được coi là cầm cân nảy mực khi ra phán quyết quyết định giải quyết tranh chấp trong trường

hợp này lại phải dựa vào một chữ ký hay một con dấu của một cơ quan khác là UBND hay Công an để đảm bảo tính hợp pháp hay khách quan mà không thể tự mình chứng minh sự khách quan hay đúng đắn được. Theo quan điểm của tôi, cần phải coi biên bản được lập bởi Thẩm phán trong các trường hợp kể trên là khách quan và có giá trị để một mặt nâng vị thế của Thẩm phán, mặt khác tránh sự chây ỳ của một số đương sự, coi đây là thái độ dứt khoát của nhà nước, của xã hội với các hành vi không thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự, nghĩa vụ công dân.

Điểm bất cập này chỉ có thể giải quyết khi chúng ta, những Thẩm phán và Thư ký Toà án phải luôn xác định mình là những người thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm trong công việc và xã hội, cộng đồng cũng cần phải có sự tin tưởng đối với công việc của Thẩm phán, Thư ký Toà án.

2.2. Tổng đạt qua người thân thích của đương sự

Nếu không tổng đạt trực tiếp được cho đương sự là cá nhân thì theo quy định của khoản 2 Điều 152, có thể tổng đạt qua người thân thích của họ. Điểm cần chú ý là phải xác định ai là người thân thích được nói đến ở đây hay điều kiện của người thân thích này là gì. Có thể thấy điều luật viện dẫn không giải thích về người thân thích, song tại Nghị Quyết số 01/2005/ NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 tại mục 2.2 của phần II về Người tiến hành tố tụng và việc thay đổi người tiến hành tố tụng, đã quy định về người thân thích của đương sự.

Song không phải giao văn bản tố tụng cho bất kỳ người thân thích nào của đương sự cũng sẽ được coi là hợp pháp mà cần phải giao cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự và cùng cư trú với đương sự. Thế nào là có đủ năng lực hành vi dân sự trong trường hợp này không phải luôn luôn có câu trả lời thống nhất và không thể tìm ngay trong Bộ luật Tố tụng Dân sự. Theo quy định của Bộ luật Dân sự (xem các điều 17, 22) thì có nhất thiết phải là người thành niên

hay không. Hơn nữa, để đảm bảo được điều này, toà án hay người tổng đạt phải kiểm tra chứng minh thư hay tài liệu khác để xác định. Cũng theo yêu cầu của Khoản 2 Điều 152 là người thân thích phải *cùng cư trú* với đương sự. Do đó, không có sự hỗ trợ từ phía tổ dân phố, chính quyền địa phương thì việc xác định này cũng rất khó khăn. Phần khác, khái niệm *cư trú* cần phải được hiểu cùng với khái niệm *Nơi cư trú* được Bộ luật Dân sự quy định tại các điều 52-57 của Bộ luật.

Tổng đạt qua người thân thích như vậy có thể giúp cho Toà án không nhất thiết phải gặp trực tiếp người cần tổng đạt khi họ đi vắng. Tuy nhiên, nếu người thân thích, mặc dù cam kết sẽ chuyển văn bản tố tụng cho đương sự nhưng sau đó, họ không có điều kiện hoặc không thể chuyển và không thông báo cho Toà án biết thì có thể coi đây đã là tổng đạt hợp lệ hay chưa. Có thể lấy ví dụ như tại cấp sơ thẩm, người thân thích của bị đơn đã cam kết sẽ chuyển giấy triệu tập phiên toà cho bị đơn và do đó, toà án có đủ cơ sở để xét xử vắng mặt bị đơn. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, bị đơn chứng minh được là bị đơn không được biết, không nhận được hoặc không thể có điều kiện nhận được giấy triệu tập từ người thân thích nhận chuyển thì liệu đây có thể là căn cứ để cấp phúc thẩm xem xét việc cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng hay không.

2.3. Tổng đạt/thông báo tại phiên toà

Liên quan đến phiên toà, khi có các điều kiện để hoãn phiên toà, theo quy định tại Điều 208 thì ra Quyết định hoãn phiên toà và *chủ toạ phiên toà thay mặt Hội đồng xét xử ký tên và thông báo công khai cho những người tham gia tố tụng biết*. Như vậy ở đây Bộ luật chỉ yêu cầu chủ toạ thông báo miệng, bằng cách đọc Quyết định hoãn phiên toà công khai tại phòng xử là đủ. Tuy nhiên, tại Nghị quyết 02/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006, tại mục 3.3 lại quy định thêm công việc cho chủ toạ phiên toà là thay mặt Hội đồng xét xử “thông báo công khai quyết định hoãn phiên toà” và “giao ngay cho họ quyết

định này”. Cũng có thể xem đây là một sự cần trọng của cơ quan tiến hành tố tụng là Toà án cần đảm bảo cho các đương sự có được văn bản tố tụng trong tay để họ thực hiện. Song trong nhiều trường hợp, có thể đây cũng lại là điểm gây tranh cãi khi các đương sự có mặt chỉ nhận Quyết định hoãn phiên toà mà không chịu ký nhận mặc dù ngay trước đó, họ vừa được nghe Chủ toạ phiên toà công bố quyết định này. Việc họ không ký trong trường hợp này, có phải sẽ đương nhiên được coi là họ đã được tổng đạt hợp lệ hay không cũng có thể có nhiều ý kiến khác nhau. Do đó, theo tôi, cần phải hiểu hướng dẫn này của Nghị Quyết chỉ có ý nghĩa là một việc cần trọng hơn để đương sự có được văn bản tố tụng trong tay, còn khi họ được nghe Chủ toạ phiên toà công bố quyết định hoãn phiên toà tại phòng xử thì họ đã được tổng đạt hợp lệ rồi.

3. THỜI HẠN TỔNG ĐẠT BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trước đây, thời hạn tổng đạt, cấp bản án sơ thẩm được quy định tại Điều 57 Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự, theo đó, *ngay sau phiên toà* Toà án phải cấp trích lục bản án hoặc quyết định cho đương sự và *chậm nhất 15 ngày sau khi tuyên án*, toà án phải cấp bản án hay quyết định cho họ.

Trong Bộ luật Tố tụng Dân sự, thời hạn cấp trích lục bản án, quyết định là *3 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên toà* (khoản 1 Điều 241) và thời hạn giao bản án cho đương sự là *10 ngày kể từ ngày tuyên án* (khoản 2 Điều 241). Có thể thấy rằng ở hai khoản của Điều 241 này, câu chữ viết không giống nhau về cách tính thời hạn song cần phải hiểu là chúng cùng chung một nghĩa là *kể từ ngày tuyên án*. Đây là thời hạn do luật quy định nên các Toà án cần tích cực để đảm bảo quyền của các đương sự.

Tuy nhiên, có không ít các đương sự phàn nàn về việc họ không được cấp bản án trong thời gian phù hợp để họ có thể thực hiện quyền kháng cáo, dẫn tới những đơn kháng cáo chung chung như kháng cáo toàn

bộ bản án hay toàn bộ phần phân chia tài sản (trong vụ án ly hôn) chẳng hạn trong khi nếu có bản án trong tay, đương sự có thể sẽ có được sự quyết định chính xác hơn là họ sẽ kháng cáo phần cụ thể nào trong bản án. Cần phải nhấn mạnh điểm này bởi từ Pháp lệnh cho đến Bộ luật Tố tụng Dân sự, trách nhiệm cấp Bản án, một văn bản tố tụng quan trọng, luôn được xác định là *nghĩa vụ của Tòa án* và có quy định *thời hạn cụ thể*. Làm tốt điều này, toà án sẽ có thêm điều kiện để có được sự tin tưởng của đương sự, của cộng đồng vào công việc của Tòa án.

Để thực hiện tốt thời hạn cấp, tổng đạt bản án hay quyết định của Tòa án, thì vai trò quan trọng nhất là thuộc về Hội đồng xét xử mà đặc biệt là Chủ tọa phiên tòa trong việc ra bản án kịp thời. Đã có nhiều ý kiến về việc bản án gốc, bản án chính trong đó có những quan điểm về bản án gốc có cần phải là bản án viết tay hay có thể dùng máy tính cá nhân để chuẩn bị. Trong một bài viết của tác giả Trọng Tài đã cho rằng việc dùng máy tính để soạn thảo bản án là một cách làm tiến bộ và đảm bảo tốt chất lượng bản án mà không sợ bị coi là “án bỏ túi”, là từ dùng cho những bản án mà “mọi quyết định của Hội đồng xét xử đã được định sẵn không phụ thuộc vào diễn biến xét xử tại phiên tòa như thế nào, một bản án có tính áp đặt từ trước, trái với quy định của pháp luật”². Thực tiễn cho thấy, nếu dùng được máy tính cá nhân, sẽ là một điểm lợi thế khi soạn thảo bản án, quyết định của Tòa án hay các văn bản tố tụng cả về thời gian cũng như hình thức của văn bản.

4. KẾT LUẬN

Cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng là hoạt động gắn liền với các việc tiến hành

tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết các vụ án dân sự. Các vụ án càng phức tạp thì việc tiến hành tổng đạt, thông báo cũng phức tạp do sự không hợp tác, chống đối của một bộ phận các đương sự. Do đó, tuyên truyền phổ biến pháp luật cho người dân, nhất là ở những vùng sự hiểu biết về pháp luật còn hạn chế là một giải pháp tích cực sự không hợp tác, chống đối của một bộ phận đương sự, gây khó khăn cho quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án bằng cách không chịu nhận văn bản tố tụng hay cố tình không có mặt tại tòa án, dẫn đến việc tổng đạt phải tiến hành nhiều lần.

Phần khác, sự phối hợp hỗ trợ của UBND cấp xã phường cùng với cơ quan Công an sở tại sẽ là những yếu tố tích cực khi thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng, góp phần vào việc giải quyết vụ án của Tòa án được tốt hơn.

Song vai trò quan trọng nhất vẫn thuộc về hệ thống Tòa án, để giải quyết tốt các vụ án, việc tổng đạt văn bản tố tụng, đặc biệt trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như cấp bản án, quyết định của Tòa án khi kết thúc quá trình tố tụng phải được thực hiện đúng và kịp thời. Điều đó đòi hỏi Thẩm phán, thư ký tòa án phải không ngừng cố gắng, trau dồi kiến thức chuyên môn đồng thời phải có sự mềm dẻo, linh hoạt trong quá trình làm việc.

Cộng đồng cũng cần phải đặt lòng tin vào Tòa án nhiều hơn để có thể thay đổi quy định theo hướng chỉ cần Thẩm phán hay thư ký tòa án lập biên bản tổng đạt cũng phải được coi là khách quan trong trường hợp đương sự cố tình không ký hay không nhận văn bản tố tụng.

² Xem Trọng Tài, *Bản án gốc và bản án chính – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí Tòa án nhân dân, Số 9, tháng 5 năm 2006, trang 28 – 30.